

**Thực vật lâm sản ngoài gỗ có giá trị bảo tồn ở Khu Dự trữ Thiên nhiên
Động Châu – Khe Nước Trong huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình**

Lê Bảo Thanh¹, Bùi Thế Đồi¹, Lê Thị Phương Thảo², Dương Văn Nam¹,
Nguyễn Văn Lý¹, Trần Thế Hùng³, Phan Thanh Quyết³, Lê Khánh Vũ³,
Tatiana V. Maisak⁴, Leonid V. Averyanov⁴, Nguyễn Hữu Cường^{1*}

¹Trường Đại học Lâm nghiệp

²Hạt kiểm lâm Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

³Trường Đại học Quảng Bình

⁴Viện Thực vật Komarov, Viện Hàn lâm Khoa học Nga

**Non – timber forest products plant species with conservation value
in Dong Chau – Khe Nuoc Trong Nature Reserve,
Le Thuy district, Quang Binh province**

Le Bao Thanh¹, Bui The Doi¹, Le Thi Phuong Thao², Duong Van Nam¹,
Nguyen Van Ly¹, Tran The Hung³, Phan Thanh Quyet³, Le Khanh Vu³,
Tatiana V. Maisak⁴, Leonid V. Averyanov⁴, Nguyen Huu Cuong^{1*}

¹Vietnam National University of Forestry

²Cao Phong District Forest Ranger, Hoa Binh province

³Quang Binh University

⁴Komarov Botanical Institute Russian of the Academy of Sciences

*Corresponding author: cuongnh2@vnuf.edu.vn; nguyenuucong.tvr@gmail.com

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.14.3.2025.137-148>

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 25/12/2024

Ngày phản biện: 25/02/2025

Ngày quyết định đăng: 27/03/2025

Từ khóa:

DTTN Động Châu - Khe Nước Trong, huyện Lệ Thủy, lâm sản ngoài gỗ, thực vật nguy cấp, tỉnh Quảng Bình.

Keywords:

Dong Chau – Khe Nuoc Trong Nature Reserve, Le Thuy district, nature protection, non-timber forest products, Quang Binh province, threatened plant species.

TÓM TẮT

Bài báo trình bày kết quả điều tra bổ sung và đánh giá các loài thực vật lâm sản ngoài gỗ (LSNG) có giá trị bảo tồn ở Khu Dự trữ Thiên nhiên (DTTN) Động Châu - Khe Nước Trong. Việc đánh giá dựa trên Danh lục Đỏ IUCN (2024), Sách Đỏ Việt Nam (Phần II. Thực vật, 2007) và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP. Nghiên cứu được thực hiện bằng cách kết hợp danh sách thực vật có mạch đã công bố (trong đề án thành lập khu DTTN năm 2020) cùng với các đợt điều tra bổ sung tại khu vực. Nhóm tác giả đã xác định được 612 loài LSNG có mạch. Nghiên cứu cũng bổ sung 01 họ, 06 chi và 13 loài thực vật LSNG cho Khu DTTN. Đáng chú ý, danh sách các loài thực vật LSNG nguy cấp, quý, hiếm tại Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong bao gồm 91 loài, chiếm 14,87% tổng số loài. Trong đó: 07 loài trong Danh lục Đỏ IUCN (2024), 17 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (Phần II. Thực vật, 2007) và 77 loài thuộc Nghị định số 84/2021/NĐ-CP. Những kết quả này khẳng định, hệ thực vật LSNG ở DTTN Động Châu - Khe Nước Trong còn rất đa dạng, từ đó cung cấp cơ sở khoa học vững chắc cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại địa phương.

ABSTRACT

This study presents a survey and inventory of the threatened Non-Timber Forest Product (NTFP) plant species in Dong Chau – Khe Nuoc Trong Nature Reserve. Our assessment followed the IUCN Red List (2024), Vietnam Red Data Book (Part II. Plants, 2007), and Decree 84/2021/ND-CP. Accordingly, the research results are based on a previously published list of vascular plant species (from the establishment project in 2020) with additional surveys in the area. The high

diversity with about 612 vascular plant species has been recorded. The study added 13 species belonging to 6 genera and 1 family. Furthermore, 91 threatened plant species were identified, accounting for about 14,87% of the total plant species in the area. Among these, seven species are listed in IUCN Red List (2024); 17 species in Vietnam Red Data Book (Part II. Plants, 2007), and 77 species are mentioned in Decree 84/2021/ND-CP. These findings provide a scientific basis for conservation of NTFP plants within Dong Chau – Khe Nuoc Trong Nature Reserve.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu Dự trữ Thiên nhiên (DTTN) Động Châu - Khe Nước Trong được thành lập theo Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình. Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong nằm ở phía Tây - Nam tỉnh Quảng Bình thuộc địa giới hành chính xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy có diện tích 22.132,93 ha gồm 21 tiểu khu [1].

Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong là nơi hiếm hoi bảo tồn được một diện tích lớn kiểu rừng nhiệt đới thường xanh còn tính chất nguyên sinh trên vùng đất thấp; kiểu rừng này đã trở nên rất hiếm ở Việt Nam do bị tác động mạnh và đã bị thu hẹp ở các vùng khác và là một trong những khu vực có giá trị cao về đa dạng sinh học của dãy Trường Sơn, được nhiều tổ chức Quốc tế về bảo tồn thiên nhiên đánh giá cao. Khu vực này chủ yếu là rừng nhiệt đới thường xanh nằm trong vùng sinh thái rừng tự nhiên rộng lớn khoảng 500.000 ha, có tài nguyên rừng phong phú, kéo dài từ huyện Minh Hóa qua các huyện Bố Trạch, Quảng Ninh và Lệ Thủy tỉnh sang huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Đây là một trong những khu vực có diện tích rừng tự nhiên liên tục rộng lớn nhất Việt Nam và chỉ còn thấy tồn tại ở một số khu vực dọc biên giới Việt-Lào. Mặc dầu, có tính đa dạng sinh học cao, tài nguyên thiên nhiên phong phú nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hoàn chỉnh để đánh giá được đầy đủ hiện trạng các loài lâm sản ngoài gỗ (LSNG), đặc biệt là nhóm loài nguy cấp, quý hiếm.

Việc nghiên cứu hiện trạng các loài cây

LSNG bị đe dọa tại Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong là thực sự cần thiết, có ý nghĩa khoa học thực tiễn phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng nói chung và tài nguyên LSNG nói riêng ở khu vực.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Kế thừa các tài liệu nghiên cứu về thực vật nguy cấp, quý hiếm trong và ngoài nước, đồng thời kế thừa những nghiên cứu về thực vật ở Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong.

- Điều tra 5 tuyến với chiều dài tuyến từ 3-5 km trong khu vực rừng đặc dụng, trên các tuyến điều tra tiến hành thu thập các thông tin về các loài LSNG, các loài nguy cấp, quý hiếm, khu vực phân bố định vị bằng máy GPS, thu hái mẫu và chụp ảnh các loài thuộc đối tượng nghiên cứu.

- Tra cứu, xác định tên các loài thực vật được thực hiện dựa trên phương pháp hình thái truyền thống, kết hợp với kinh nghiệm của nhóm chuyên gia Trường Đại học Lâm nghiệp, Trường Đại học Quảng Bình và Viện thực vật Komarov Liên Bang Nga cùng các tài liệu chuyên ngành [2, 3].

- Đánh giá về giá trị bảo tồn tài nguyên thực vật theo Sách Đỏ Việt Nam (Phần II. Thực vật, 2007) [4], Danh lục Đỏ IUCN (2024) [5] và Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp [6].

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng taxon hệ thực vật LSNG ở DTTN Động Châu - Khe Nước Trong

Trên cơ sở các mẫu thu thập trong quá trình điều tra và kết hợp tài liệu đã công bố về thực vật có mạch ở khu vực Khu Dự trữ thiên nhiên Động Châu – Khe Nước Trong (Đề án thành lập Khu DTTN, 2020) [7] cho thấy, hệ

thực vật LSNG ở đây bước đầu đã ghi nhận được 612 loài thuộc 396 chi, 125 họ thuộc các ngành Thông đất, Mộc tặc, Dương xỉ, Thông và Ngọc lan. Thành phần các taxon trong các ngành được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Thành phần các taxon trong các ngành của hệ thực vật LSNG

TT	Tên ngành		Loài		Chi		Họ	
	Tên Khoa học	Tên VN	SI	%	SI	%	SI	%
1	Lycopodiophyta	Thông đất	3	0,5	2	0,5	2	1,6
2	Equisetophyta	Mộc tặc	1	0,16	1	0,25	1	0,8
3	Polypodiophyta	Dương xỉ	31	5,06	19	4,8	11	8,8
4	Pinophyta	Thông	8	1,3	5	1,26	3	2,4
5	Magnoliophyta	Ngọc lan	569	92,98	369	93,18	108	86,4
	- <i>Magnoliopsida</i>	- Lớp Ngọc lan	422	69	279	70,45	91	72,8
	- <i>Liliopsida</i>	- Lớp Hành	147	24	90	22,72	17	13,6
Tổng			612	100	396	100	125	100

Qua Bảng 1 cho thấy ngành Ngọc lan chiếm đa số và đóng vai trò chủ đạo trong hệ thực vật LSNG với 569 loài chiếm 92,98%, 369 chi chiếm 93,18% và 108 họ chiếm 86,4%, tiếp sau là ngành Dương xỉ với số lượng loài, chi và họ lần lượt chiếm 5,06 %, 4,8% và 8,8%. Các ngành còn lại như: ngành Thông đất, Mộc tặc

và Thông chiếm số lượng không đáng kể.

Các ghi nhận mới cho hệ thực vật LSNG ở Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong

Trong quá trình điều tra, nghiên cứu đã bổ sung được 01 họ, 06 chi và 13 loài cho hệ thực vật Khu DTTN Động Châu-Khe Nước Trong. Số liệu cụ thể được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Các họ, chi và loài mới bổ sung cho hệ thực vật LSNG ở khu vực

TT	Tên Khoa học	Tên Phổ thông	Dạng sống	Công dụng	Tình trạng	Ghi chú
MAGNOLIOPHYTA		- NGÀNH NGỌC LAN				
A. Magnoliopsida		Lớp Ngọc lan				
1. Aristolochiaceae		Họ Mã đầu linh				
1	<i>Thottea* hainanensis</i> (Merr. & Chun) Ding Hou	Tốt hoa hải nam	Na	M		DCKNTNR 134
2. Balsaminaceae		Họ Bóng nước				
2	<i>Impatiens claviger</i> Hook.f.	Bóng nước hoa vàng	Na	Or, M		DCKNTNR 021 (AL3662)
3. Begoniaceae		Họ Hải đường				
3	<i>Begonia abbreviata</i> C.-I Peng	Hải đường thân gấn	Sp	Or		DCKNTNR 056 (AL3619)
4. Caprifoliaceae		Họ Kim ngân				
4	<i>Sambucus javanica</i> Blume	Cơ cháy	Mi	M		DCKNTNR 133 (AL3707)
5. Gesneraceae		Họ Thược tiên				
5	<i>Pseudochirita* guangxiensis</i> (S.Z.Huang) W.T.Wang	Tai voi quảng xi	Na	Or		DCKNTNR 022

TT	Tên Khoa học	Tên Phổ thông	Dạng sống	Công dụng	Tình trạng	Ghi chú
6. Pentaphragmataceae**		Họ Ngũ cách				
6	<i>Pentaphragma gamopetalum</i> Gagnep.	Rau lười bò	Hp	F		DCKNTNR 039 (AL3617)
7. Rubiaceae		Họ Cà phê				
7	<i>Geophila repens</i> (L.) Johnston	Rau má núi	Ep	M		DCKNTNR156 (AL3729)
8. Theaceae		Họ Chè				
8	<i>Camellia caudata</i> Wallich	Vĩ điệp sơn trà	Na	Or		DCKNTNR 033
9	<i>Camellia furfuracea</i> (Merr.) Cohen Stuart	Chè cám	Mi	Or		DCKNTNR 080
B. Liliopsida		Lớp Hành				
9. Asparagaceae		Họ Măng tây				
10	<i>Aspidistra phongdienensis</i> D.Dien, T.A.Le & Vislobokov	Tỏi đá phong điền	Ep	Or		DCKNTNR 082 (AL3663)
11	<i>Ophiopogon chingii</i> F.T.Wang & Tang	Cao cẳng lá nhỏ	Ep	M		DCKNTNR 086 (AL3677)
10. Orchidaceae		Họ Phong lan				
12	<i>Kingidium deliciosum</i> (Rchb.f.) H.R.Sweet	Lan san hô	Hp	Or	IIA	AL3609
13	<i>Collabium chinense</i> (Rolfe) Tang & F.T.Wang	Lan mỏ	Hp	Or	IIA	AL3649

Chú thích: **Họ bổ sung; *Chi bổ sung; Mi (cây gỗ nhỏ); Na (cây bụi); Sp (cây chồi trên mọng nước); Hp (cây chồi trên thân thảo); Ep (cây bì sinh, phụ sinh); M (medicine); Or (ornamental); F (Food); DCKNTNR (Dong Chau – Khe Nuoc Trong Nature Reserve); AL (Averyanov Leonid).

Từ Bảng 2 cho thấy:

Họ mới:

- Nghiên cứu đã bổ sung 01 họ (Ngũ cách - Pentaphragmataceae) cho Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta).

Các chi ghi nhận mới (New records):

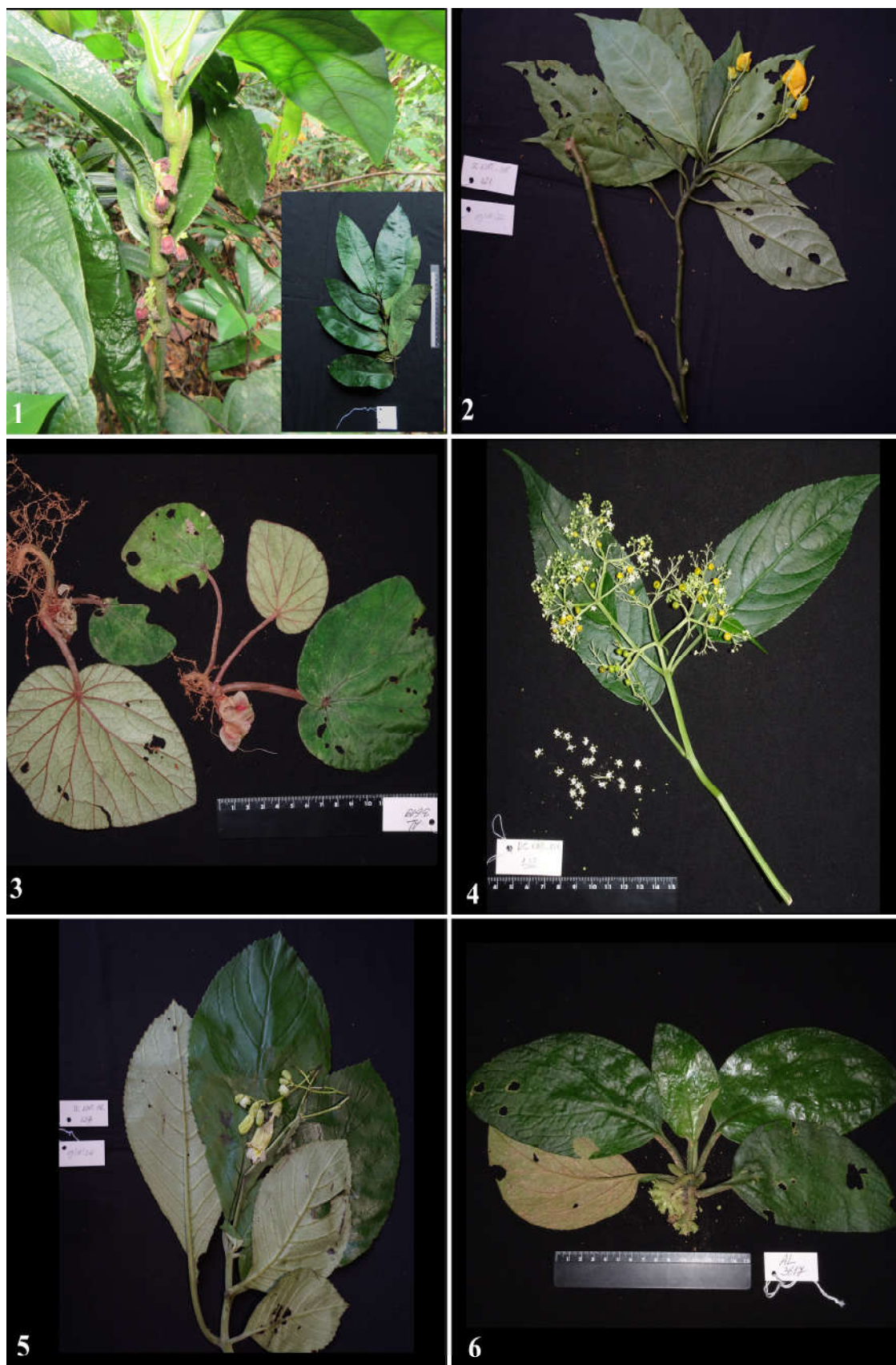
- 06 chi ghi nhận bổ sung Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong đều thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), trong đó lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) có 04 chi và lớp Hành (Liliopsida) có 02 chi.

- Các loài ghi nhận mới (New records).

Đề án thành lập khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong (2020) đã thống kê khu vực có 1.030 loài, trong đó có 599 loài thực vật LSNG. Qua điều tra, thu thập các mẫu tiêu bản và định tên, tra cứu số lượng đã tăng so với danh lục trước đây đã công bố 13 loài (Hình 1, 2).

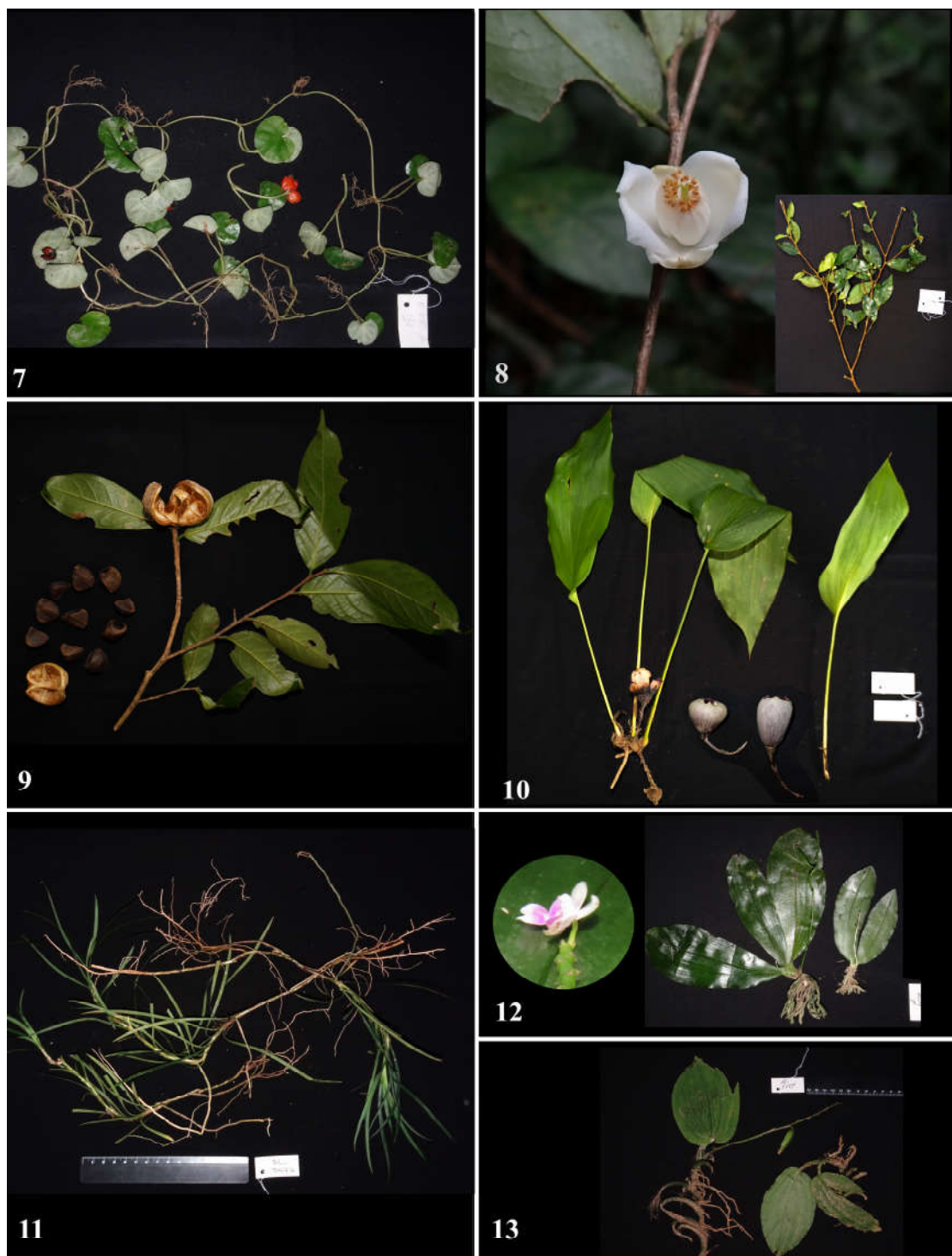
Như vậy, cùng với 13 loài mới ghi nhận (trong đó có 01 họ và 06 chi mới bổ sung cho) thì hiện tại danh lục thực vật LSNG tại Khu Động Châu-Khe Nước Trong có 612 loài thuộc 396 chi, thuộc 125 họ. Các loài mới được thể hiện ở Bảng 2.

Trong 13 loài ghi nhận thì có 03 loài đặc hữu của Việt Nam: Hải đường thân ngắn (*Begonia abbreviata* C.-I Peng), Tỏi đá phong điền (*Aspidistra phongdiensis* D.Dien, T.A.Le & Vislobokov) và Rau lười bò (*Pentaphragma gamopetalum* Gagnep.); 03 loài là đặc hữu Đông Dương-Nam Trung Hoa (Tốt hoa hải nam - *Thottea hainanensis* (Merr. & Chun) Ding Hou, Bóng nước hoa vàng - *Impatiens clavigera* Hook.f., và Tai voi quảng xi - *Pseudochirita quangxiensis* (S.Z.Huang) W.T.Wang); 07 loài còn lại thuộc nhiệt đới châu Á.



Hình 1. Các loài thực vật bổ sung

1- Tốt hoa hải nam (*Thottea hainanensis*), 2- Bóng nước hoa vàng (*Impatiens claviger*), 3- Hải đường thân ngắn (*Begonia abbreviata*), 4- Cơm cháy (*Sambucus javanica*), 5- Tai voi quảng xi (*Pseudochirita quangxiensis*), 6- Rau lưỡi bò (*Pentaphragma gamopetalum*)



Hình 2. Các loài thực vật bổ sung

7 - Rau má núi (*Geophila repens*), 8 - Vĩ điệp sơn trà (*Camellia caudata*), 9 – Chè căm (*Camellia furfuracea*), 10 – Tỏi đá phong điền (*Aspidistra phongdiensis*), 11 – Cao cẳng lá nhỏ (*Ophiopogon chingii*), 12- Lan san hô (*Kingidium deliciosum*), 13 – Lan mỏ (*Collabium chinense*)

3.2. Đa dạng về thành phần loài nguy cấp, quý, hiếm

Qua điều tra thực địa và kế thừa tài liệu đã công bố có liên quan ở Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong, nhóm nghiên cứu đã thống

kê được 91 loài thực vật LSNG (chiếm 14,87% tổng số loài) thuộc nhóm nguy cấp, quý hiếm có giá trị bảo tồn. Kết quả chi tiết được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Thực vật LSNG nguy cấp, quý, hiếm tại khu vực nghiên cứu

TT	Tên loài		Tên họ		IUCN (2024)	SĐVN (2007)	NĐ 84 (2021)
	Khoa học	Phổ thông	Khoa học	Phổ thông			
1	<i>Drynaria fortunei</i> (Mett.) J. Sm.	Cốt toái bồ	Polypodiaceae	Ráng nhiều chân		EN	IIA
2	<i>Amentotaxus argotaenia</i> (Hance) Pilg.	Dẻ tùng sọc trắng	Taxaceae	Thông đỏ	VU		
3	<i>Asarum balansae</i> Franch in Morot.	Trầu tiên thảo	Aristolochiaceae	Nam mộc hương		EN	
4	<i>Cirsium japonicum</i> Maxim	Cỏ sữa	Asteraceae	Cúc		VU	
5	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume.) Hook.f	Đẳng sâm	Campanulaceae	Hoa chuông			IIA
6	<i>Cinnamomum balansae</i> Lec.	Gù hương	Lauraceae	Long não	EN	VU	IIA
7	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> Meissn.	Re hương	Lauraceae	Long não	LC	CR	
8	<i>Strychnos ignatii</i> Bergius	Mã tiền lông	Loganiaceae	Mã tiền		VU	
9	<i>Paramichelia baillonii</i> (Pierre) Hu. Kuidui	Giổi găng	Magnoliaceae	Mộc lan		VU	
10	<i>Chukrasia tabularis</i> A. Jus.	Lát hoa	Meliaceae	Xoan	LC	VU	
11	<i>Coscinium fenestratum</i> (Gagn.) Colebr.	Vàng đắng	Menispermaceae	Tiết dê		VU	IIA
12	<i>Fibraurea recisa</i> Pierre.	Hoàng đẳng	Menispermaceae	Tiết dê		VU	IIA
13	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Bình vôi	Menispermaceae	Tiết dê			IIA
14	<i>Knema globularia</i> (Lamk.) Warb.	Máu chó cầu	Myristicaceae	Máu chó	LC		
15	<i>Gomphia serrata</i> (Gaertn.) Kanis	Mai cánh lõm	Ochnaceae	Mai	LC		
16	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Rau sắng	Opiliaceae	Rau sắng		VU	
17	<i>Aerides falcata</i> Lindl.	Giáng hương	Orchidaceae	Phong lan			IIA
18	<i>Aerides houlletiana</i> Reichb. f.	Tam bảo sắc	Orchidaceae	Phong lan			IIA
19	<i>Aerides odorata</i> Lour.	Quế lan hương	Orchidaceae	Phong lan			IIA
20	<i>Anoectochilus lylei</i> Rolfe ex Downies	Gia thủy	Orchidaceae	Phong lan			IIA
21	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Lan gấm trung bộ	Orchidaceae	Phong lan			IA
22	<i>Arundina graminifolia</i> (D.Don) Hochr.	Lan lá lúa (lan sậy)	Orchidaceae	Phong lan			IIA
23	<i>Bulbophyllum poilanei</i> Gagn.	Cầu diệp	Orchidaceae	Phong lan			IIA
24	<i>Calanthe triplicata</i> (Willem.) Ames	Kiều lan	Orchidaceae	Phong lan			IIA

TT	Tên loài		Tên họ		IUCN (2024)	SĐVN (2007)	NĐ 84 (2021)
	Khoa học	Phổ thông	Khoa học	Phổ thông			
25	<i>Cephalantheropsis obcordata</i> (Lindl.) Ormerod	Lan hoa đầu	Orchidaceae	Phong lan			IIA
26	<i>Ceratostylis siamensis</i> Downie	Vòi sừng lùn	Orchidaceae	Phong lan			IIA
27	<i>Cleisostoma birmanicum</i> (Schltr.) Garay	Miếng kín hai gai	Orchidaceae	Phong lan			IIA
28	<i>Coelogyne mooreana</i> Sander ex Rolfe	Tuyết ngọn	Orchidaceae	Phong lan			IIA
29	<i>Collabium chinense</i> (Rolfe) Tang & F.T.Wang	Lan mỏ	Orchidaceae	Phong lan			IIA
30	<i>Coelogyne ovalis</i> Lindl.	Lan thanh đậm	Orchidaceae	Phong lan			IIA
31	<i>Corymborchis veratrifolia</i> (Reinw.) Bl.	Quả hoa lan	Orchidaceae	Phong lan			IIA
32	<i>Cymbidium aloifolium</i> (L.) Sw.	Đoản lô hội	Orchidaceae	Phong lan			IIA
33	<i>Cymbidium banaense</i> Gagn.	Đoản kiếm	Orchidaceae	Phong lan			IIA
34	<i>Cymbidium dayanum</i> Rchb.f.	Bích ngọc	Orchidaceae	Phong lan			IIA
35	<i>Cymbidium finleysonianum</i> Lindl.	Kiểm vàng	Orchidaceae	Phong lan		EN	IIA
36	<i>Cymbidium lancifolium</i> Hook.f.	Kiểm lá giáo	Orchidaceae	Phong lan			IIA
37	<i>Dendrobium amabile</i> (Lour.) O'Brien	Thuỷ tiên hường	Orchidaceae	Phong lan			IIA
38	<i>Dendrobium dentatum</i> Seidenf.	Thạch học răng	Orchidaceae	Phong lan			IIA
39	<i>Dendrobium draconis</i> Rchb.f.	Nhất điểm hồng	Orchidaceae	Phong lan			IIA
40	<i>Dendrobium enlipsisophyllum</i> Tang et Wang	Hương duyên	Orchidaceae	Phong lan			IIA
41	<i>Dendrobium farmeri</i> Paxt.	Thuỷ tiên	Orchidaceae	Phong lan			IIA
42	<i>Dendrobium fimbriatum</i> Hook.	Long nhãn	Orchidaceae	Phong lan			IIA
43	<i>Dendrobium hercoglossum</i> Rchb.f.	ý thảo	Orchidaceae	Phong lan			IIA
44	<i>Dendrobium lindleyi</i> Steudel.	Lan phải điệp linlây	Orchidaceae	Phong lan		EN	IIA
45	<i>Dendrobium loddigesii</i> Rolfe	Hoàng thảo xinh	Orchidaceae	Phong lan			IIA
46	<i>Dendrobium nobile</i> Lindl.	Thạch học	Orchidaceae	Phong lan			IIA
47	<i>Dendrobium parciflorum</i> Reichb.f.ex Lindl	Hường lan	Orchidaceae	Phong lan			IIA
48	<i>Dendrobium terminale</i> Par. & Rchb.f.	Hoàng thảo nanh sấu	Orchidaceae	Phong lan			IIA
49	<i>Dendrobium thyrsiflorum</i> Rchb.f.	Kiều đậm thanh	Orchidaceae	Phong lan			IIA

TT	Tên loài		Tên họ		IUCN (2024)	SĐVN (2007)	NĐ 84 (2021)
	Khoa học	Phổ thông	Khoa học	Phổ thông			
50	<i>Dendrobium tortile</i> Lindl.	Hoàng thảo xoắn	Orchidaceae	Phong lan			IIA
51	<i>Epipogium roseum</i> (D.Don) Lindl.	Lan vôi	Orchidaceae	Phong lan			IIA
52	<i>Eria amica</i> Rchb.f.	Nỉ lan	Orchidaceae	Phong lan			IIA
53	<i>Eria corneri</i> Rchb.f.	Lan len bông thưa	Orchidaceae	Phong lan			IIA
54	<i>Eria globulifera</i> Seidenf.	Lan len cầu	Orchidaceae	Phong lan			IIA
55	<i>Eria lactiflora</i> Aver.	Nỉ lan thơm	Orchidaceae	Phong lan			IIA
56	<i>Eria pannea</i> Lindl.	Nỉ lan rách	Orchidaceae	Phong lan			IIA
57	<i>Eria pusilla</i> (Griff.) Lindl.	Lan len nhí	Orchidaceae	Phong lan			IIA
58	<i>Eria siamensis</i> Schlechter	Lan len chùm hẹp	Orchidaceae	Phong lan			IIA
59	<i>Eria thao</i> Gagnep.	Thảo len	Orchidaceae	Phong lan			IIA
60	<i>Erythroides hirsuta</i> (Griff.) Ormerod	Lan thài lài	Orchidaceae	Phong lan			IIA
61	<i>Erythroides ochobiensis</i> (Hary.) Gray	Xích lan	Orchidaceae	Phong lan			IIA
62	<i>Flickingeria angustifolia</i> (Bl.) Hawkes	Thạch hộc thuốc	Orchidaceae	Phong lan			IIA
63	<i>Flickingeria fimbriata</i> (Blume) A.D.Hawkes	Thạch hộc mi	Orchidaceae	Phong lan			IIA
64	<i>Herbenaria dentata</i> (Sw.) Schltr.	Hà biện răng	Orchidaceae	Phong lan			IIA
65	<i>Herbenaria viridiflora</i> (Sw.) R.Br.	Hà biện hoa xanh	Orchidaceae	Phong lan			IIA
66	<i>Hetaeria anomala</i> (Lindl.) Hook.f.	Lan môi lật	Orchidaceae	Phong lan			IIA
67	<i>Holcoglossum</i> <i>subulifolium</i> (Rchb.f.) Christenson	Tóc tiên	Orchidaceae	Phong lan			IIA
68	<i>Kingidium deliciosum</i> (Rchb.f.) H.R.Sweet	Lan san hô	Orchidaceae	Phong lan			IIA
69	<i>Liparis bootanensis</i> Griff.	Lan cánh thuyền	Orchidaceae	Phong lan			IIA
70	<i>Liparis elliptica</i> Wight	Nhẫn điệp xoan	Orchidaceae	Phong lan			IIA
71	<i>Ludisia discolor</i> (Ker-Gawl.) A.Rich.	Lá gấm	Orchidaceae	Phong lan			IIA
72	<i>Mischobulbum ovifolium</i> (Tsi & S.C.Chen) Aver.	Lan vân	Orchidaceae	Phong lan			IIA
73	<i>Nephelaphyllum</i> <i>tenuiflorum</i> Blume	Thiên quỳ	Orchidaceae	Phong lan			IIA
74	<i>Neuwiedia balansae</i> Baill. ex Gagnep.	Huệ lan	Orchidaceae	Phong lan			IIA
75	<i>Oberonia longibracteata</i> Lindl.	Lan la đơn	Orchidaceae	Phong lan			IIA
76	<i>Paphiopedilum amabile</i> Hall. f.	Hài vân duyên	Orchidaceae	Phong lan			IA

TT	Tên loài		Tên họ		IUCN (2024)	SDVN (2007)	NĐ 84 (2021)
	Khoa học	Phổ thông	Khoa học	Phổ thông			
77	<i>Paphiopedilum appletonianum</i> (Gower) Rolfe forma <i>tridentatum</i> Aver.	Vệ hài	Orchidaceae	Phong lan			IA
78	<i>Podochilus khasianus</i> Hook.f. (<i>Podochilus intermedius</i> Aver.)	Túc thiết lá nhỏ	Orchidaceae	Phong lan			IIA
79	<i>Renanthera coccinea</i> Lour.	Lan Huyết nhung	Orchidaceae	Phong lan			IIA
80	<i>Rhynchostylis retusa</i> (L.) Bl.	Đuôi cáo	Orchidaceae	Phong lan			IIA
81	<i>Schoenorchis gemmata</i> (Lindl.) J.J.Smith	Nang lan	Orchidaceae	Phong lan			IIA
82	<i>Tainia viridifusca</i> (Hook.) Benth. & Hook.f.	Tài lan	Orchidaceae	Phong lan			IIA
83	<i>Thecostele alata</i> (Roxb.) C.S.P.Parish & Rchb.f.	Lan củ chén	Orchidaceae	Phong lan			IIA
84	<i>Thelasis pygmaea</i> (Griff.) Blume	Lan củ dẹt lùn	Orchidaceae	Phong lan			IIA
85	<i>Bulbophyllum nasutum</i> Rchb.f. (<i>Trias nasuta</i> (Rchb.f.) Stapf.)	Lan ba góc	Orchidaceae	Phong lan			IIA
86	<i>Trias nummularia</i> Aver. et Averyanova	Ba lan	Orchidaceae	Phong lan			IIA
87	<i>Trichotosia pulvinata</i> (Lindl.) Kraenzl.	Mao lan	Orchidaceae	Phong lan			IIA
88	<i>Ardisia silvestris</i> Pit.	Lá khô	Primulaceae	Anh thảo		VU	
89	<i>Fagerlindia depauperata</i> (Drake) Tirv.	Găng ấn	Rubiaceae	Cà phê		VU	
90	<i>Rauvolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gác	Rutaceae	Cam		VU	
91	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lec	Dó trầm	Thymeleaceae	Trầm	CR	EN	

Ghi chú:

+ Sách Đỏ Việt Nam (Phần II. Thực vật, 2007): Cấp CR (Critically Endangered) - Rất nguy cấp, EN (Endangered) - Nguy cấp, VU (Vulnerable) - Sẽ nguy cấp.

+ Danh lục đỏ IUCN (2024): Cấp CR (Critically Endangered) - Rất nguy cấp, EN (Endangered) - Nguy cấp; VU (Vulnerable) - Sẽ nguy cấp, DD (Data deficient) - Thiếu dẫn liệu, NT (Near-threatened) - Sắp bị đe dọa;

+ Nghị định 84/2021/NĐ-CP: IA - Nghiêm cấm khai thác và sử dụng vì mục đích thương mại, IIA - Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Từ kết quả Bảng 3 cho ta thấy:

- Theo Sách Đỏ Việt Nam (Phần II. Thực vật, 2007) có 17 loài, trong đó có 05 loài thuộc nhóm Nguy cấp (EN): *Dendrobium nobile* Lindl., *Dendrobium amabile* (Lour.) O'Brien, *Aquilaria crassna* Pierre ex Lec, *Drynaria fortunei* (Mett.) J. Sm., *Asarum balansae*

Franch in Morot.); nhóm sẽ nguy cấp (VU) có 11 loài: *Rauvolfia verticillata* (Lour.) Baill., *Cirsium japonicum* Maxim, *Cinnamomum balansae* Lec., *Strychnos ignatii* Bergius, *Paramichelia baillonii* (Pierre) Hu. Kuidui, *Chukrasia tabularis* A. Jus., *Coscinium fenestratum* (Gagn.) Colebr., *Fibraurea recisa*

Pierre., *Ardisia silvestris* Pit., *Melientha suavis* Pierre, *Fagerlindia depauperata* (Drake) Tirv., và rất nguy cấp (CR) có 01 loài: *Cinnamomum parthenoxylon* Meissn.

- Theo Danh lục Đỏ IUCN (2024) gồm có 07 loài, trong đó nhóm Rất nguy cấp (CR) có 01 loài là *Aquilaria crassna* Pierre ex Lec), nhóm Nguy cấp (EN) có 01 loài là *Cinnamomum balansae* Lec.), nhóm Sẽ nguy cấp (VU) có 01 loài là *Amentotaxus argotaenia* (Hance) Pilg.; và 04 loài thuộc nhóm LC là *Cinnamomum parthenoxylon* Meissn., *Chukrasia tabularis* A. Jus., *Knema globularia* (Lamk.) Warb., *Gomphia serrata* (Gaertn.) Kanis.

-Theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ có 77 loài, trong đó 03 loài thuộc nhóm IA: *Anoectochilus setaceus* Blume, *Paphiopedilum amabile* Hall. f., *Paphiopedilum appletonianum* (Gower) Rolfe forma *tridentatum* Aver., 74 loài còn lại thuộc nhóm IIA: *Codonopsis javanica* (Blume.) Hook.f., *Cinnamomum balansae* Lec., *Drynaria fortunei* (Mett.) J. Sm., *Coscinium fenestratum* (Gagn.) Colebr., *Fibraurea recisa* Pierre., *Stephania rotunda* Lour., *Aerides falcata* Lindl., *Aerides houlletiana* Reichb. f., *Aerides odorata* Lour., *Anoectochilus lylei* Rolfe ex Downies, *Arundina graminifolia* (D.Don) Hochr., *Bulbophyllum poilanei* Gagn., *Calanthe triplicata* (Willem.) Ames, *Cephalantheropsis obcordata* (Lindl.) Ormerod, *Ceratostylis siamensis* Downie, *Cleisostoma birmanicum* (Schltr.) Garay, *Coelogyne mooreana* Sander ex Rolfe, *Collabium chinense* (Rolfe) Tang & F.T.Wang, *Coelogyne ovalis* Lindl., *Corymborchis veratrifolia* (Reinw.) Bl., *Cymbidium aloifolium* (L.) Sw., *Cymbidium banaense* Gagn., *Cymbidium dayanum* Rchb.f., *Cymbidium finleysonianum* Lindl., *Cymbidium lancifolium* Hook.f., *Dendrobium amabile* (Lour.) O'Brien, *Dendrobium dentatum* Seidenf., *Dendrobium draconis* Rchb.f.,

Dendrobium ellipsophyllum Tang et Wang, *Dendrobium farmeri* Paxt., *Dendrobium fimbriatum* Hook., *Dendrobium hercoglossum* Rchb.f., *Dendrobium lindleyi* Steudel., *Dendrobium loddigesii* Rolfe, *Dendrobium nobile* Lindl., *Dendrobium parciflorum* Lindl., *Dendrobium terminale* Par. & Rchb.f., *Dendrobium thyrsiflorum* Rchb.f., *Dendrobium tortile* Lindl., *Epipogium roseum* (D.Don) Lindl., *Eria amica* Reichb.f.f., *Eria corneri* Reichb.f., *Eria globulifera* Seidenf., *Eria lactiflora* Aver., *Eria pannea* Lindl., *Eria pusilla* (Griff.) Lindl., *Eria siamensis* Schlechter, *Eria thao* Gagnep., *Erythrodes hirsuta* (Griff.) Ormerod, *Erythrodes ochobiensis* (Hary.) Gray, *Flickingeria angustifolia* (Bl.) Hawkes, *Flickingeria fimbriata* (Bl.) Hawkes, *Herbenaria dentata* (Sw.) Schltr., *Herbenaria viridiflora* (Sw.) R.Br., *Hetaeria anomala* (Lindl.) Hook.f., *Holcoglossum subulifolium* (Rchb.f.), *Kingidium deliciosum* (Rchb.f.) H.R.Sweet, *Liparis bootanensis* Griff, *Liparis elliptica* Wight, *Ludisia discolor* (Ker-Gawl.) A.Rich., *Mischobulbum ovifolium* (Tsi & S.C.Chen) Aver., *Nephelaphyllum tenuiflorum* Blume, *Neuwiedia balansae* Gagnep., *Oberonia longibracteata* Lindl., *Podochilus khasianus* Hook.f. (*Podochilus intermedius* Aver.), *Renanthera coccinea* Lour., *Rhynchostylis retusa* (L.) Bl., *Schoenorchis gemmata* (Lindl.) J.J.Smith, *Tainia viridifusca* (Hook.) Benth. et Hook.f., *Thecostele alata* (Roxb.) Par. & Rchb.f., *Thelasis pygmaea* (Griff.) Blume, *Bulbophyllum nasutum* Rchb.f. (*Trias nasuta* (Rchb.f.) Stapf.), *Trias nummularia* Aver. et Averyanova, *Trichotosia pulvinata* (Lindl.) Kraenzl.

4. KẾT LUẬN

Hệ thực vật LSNG ở khu vực rất đa dạng và phong phú với 612 loài thuộc 396 chi và 125 họ, trong đó ngành Ngọc lan chiếm đa số với 92,98% tổng số loài, 93,18% tổng số chi và 86,4% tổng số họ.

Nghiên cứu cũng đã bổ sung cho khu vực nghiên cứu được 01 họ, 06 chi và 13 loài thực vật mới có giá trị LSNG, trong đó 03 loài đặc hữu của Việt Nam, 03 loài là đặc hữu Đông Dương-Nam Trung Hoa.

Nghiên cứu đã thống kê được khu vực có 91 loài thực vật LSNG nguy cấp, quý hiếm với 07 loài trong Danh lục Đỏ IUCN (2024), 17 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (Phần II. Thực vật, 2007), 77 loài thuộc Nghị định số 84/2021/NĐ-CP.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được hỗ trợ kinh phí từ đề tài: “Nghiên cứu, bảo tồn đa dạng sinh học gắn với sinh kế bền vững ở Khu Dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe Nước Trong, tỉnh Quảng Bình”, mã số: ĐTDL.CN-49/23 là đề tài cấp Quốc gia, do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý, và đề tài “Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển một số loài cây dược liệu bản địa có

giá trị góp phần bảo tồn nguồn gen và phát triển kinh tế cho cộng đồng dân tộc thiểu số tại vùng núi huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình”, số 37-24/HĐ-KHCN, do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình quản lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình (2020). Quyết định thành lập Khu DTTN Động Châu-Khe Nước Trong.
- [2]. Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2003). Cây cỏ Việt Nam - Quyển 1-3. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [3]. Bộ NN & PTNT (2000). Tên cây rừng Việt Nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [4]. Bộ khoa học và công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007). Sách Đỏ Việt Nam, phần II- Thực vật. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
- [5]. IUCN (2024). The Red List of Threatened Species, website: <www.iucnredlist.org>.
- [6]. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021). NĐ 84/NĐ -CP Về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
- [7]. Chi Cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Bình (2020). Đề án thành lập Khu DTTN Động Châu - Khe Nước Trong.